

Bản án số: 19/2025/KDTM-ST
Ngày: 08/5/2025.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương.
2. Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sao Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 77/2024/TLST-KDTM ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1); trụ sở: H L, phường L, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Tăng Ngọc T; địa chỉ: Tầng A Tòa nhà A C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh – là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 5985/2024/UQ-PGD ngày 26/6/2024), có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH S; trụ sở: A khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn T1, sinh năm 1987; chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Văn T1, sinh năm 1987; thường trú: Ấp N, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V (gọi tắt là V1) trình bày:

Công ty TNHH S đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (V1) – theo Hợp đồng cho vay hạn mức EGV/22076 ngày 15/03/2022, Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô số 050722-7835636-AUTO-1/HD ngày 05/07/2022 và các khế ước nhận nợ liên quan Công ty TNHH S vay vốn tại V1 – Chi nhánh G. Nội dung cụ thể đối với các Hợp đồng như sau:

- Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô số 050722/7835636-AUTO-1/HD ngày 05/7/2022; khế ước nhận nợ số 050722-7835636-AUTO-1 ngày 05/7/2022, cho vay số tiền 948.600.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ đồng thời cũng là ngày giải ngân (05/7/2022), ngày đến hạn trả nợ là 05/7/2027, mục đích vay mua ô tô phục vụ mục đích đi lại, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 8.2 %/năm.

- Hợp đồng cho vay hạn mức EGV/22076 ngày 15/3/2022; Khế ước nhận nợ lần 2 số EGV/22076-02 ngày 20/9/2022, cho vay số tiền 499.188.800 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ đồng thời cũng là ngày giải ngân (20/9/2022), ngày đến hạn trả nợ là 20/3/2023, mục đích vay Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm dệt, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 18.3 %/năm.

Tổng số tiền vay là 1.447.788.800 đồng.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, Công ty TNHH S đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm sau:

1/ 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford, số loại: Everest, số khung: MNCAXXMAWANJ15694, số máy: YNWSANJ15694, biển kiểm soát: 61K-107.36, giấy hẹn đăng ký lấy xe do công an thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/07/2022 theo hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô số 050722-7835636-AUTO-1/HD ngày 05/07/2022.

2/ Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản của ông Ngô Văn T1, Công ty TNHH S theo Hợp đồng bảo lãnh số: EGV/22076/HĐBL ngày 15/03/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty TNHH S đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên toàn bộ khoản vay đã chuyển quá hạn từ ngày 16/01/2023. Tạm tính đến ngày 08/5/2025, Công ty TNHH S đã thanh toán cho V1 số tiền, cụ thể:

Trả nợ gốc: 79.052.089 đồng; Trả nợ lãi: 56.814.803 đồng; Tổng cộng: 135.866.892 đồng.

V1 đã nhiều lần liên hệ làm việc với Công ty TNHH S, người bảo lãnh khoản vay để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ và yêu cầu bàn giao tài sản bảo đảm nhưng Công ty TNHH S và người liên quan không thực hiện đầy đủ.

Tạm tính đến hết ngày 08/5/2025 Công ty TNHH S còn nợ V1 các khoản sau:

Nợ gốc quá hạn: 1.368.736.711 đồng.

Nợ lãi quá hạn : 795.162.567 đồng.

Nợ lãi chậm trả : 113.263.053 đồng.

Tổng cộng : 2.277.162.331 đồng.

Về cách tính nợ lãi như sau:

Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất nợ sớm trong hạn. Từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn được tính theo công thức: Số tiền gốc quá hạn (x) số ngày chậm trả (x) lãi xuất trong hạn *150%/365.

Lãi chậm trả được tính như sau: Số tiền lãi chậm trả = số tiền lãi quá hạn (x) số ngày quá hạn (x) 10%/365.

Việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ nêu trên đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thuận An giải quyết:

- Buộc Công ty TNHH S phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V (gọi tắt là V2) toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức EGV/22076 ngày 15/3/2022; Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô số 050722/7835636-AUTO-1/HD ngày 05/7/2022 và các khế ước nhận nợ tạm tính đến ngày 08/5/2025 là: 2.277.162.331 đồng.

Trong đó: Nợ gốc quá hạn: 1.368.736.711 đồng; nợ lãi quá hạn: 795.162.567 đồng; nợ lãi chậm trả: 113.263.053 đồng.

Kể từ ngày 09/5/2025, Công ty TNHH S vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng và các hợp đồng, văn bản đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ vay cho V1.

- Trường hợp Công ty TNHH S không thanh toán nợ thì V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp là 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Ford, số loại Everest, số khung: MNCAXXMAWANJ15694, số máy: YNWSANJ5694, biển kiểm soát: 61K-107.36 theo Hợp đồng thế chấp ô tô số 050722-7835636-AUTO-1/HD ngày 05/7/2022 (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61 000587 do Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/7/2022).

- Trường hợp Công ty TNHH S không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên cho V1 thì V1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền buộc ông Ngô Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ thay cho Công ty TNHH S cho V1 theo Hợp đồng bảo lãnh số EGV/22076/HĐBL ngày 15/3/2022.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bao gồm:

+ Hợp đồng cho vay hạn mức EGV/22076 ngày 15/3/2022; Khế ước nhận nợ lần 2 số EGV/22076-02 ngày 20/9/2022; Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô số 050722/7835636-AUTO-1/HD ngày 05/7/2022; khế ước nhận nợ số 050722-7835636-AUTO-1 ngày 05/7/2022;

+ Hợp đồng bảo lãnh số EGV/22076/HĐBL ngày 15/3/2022; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61 000587 do Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/7/2022;

+ Thông báo khởi kiện số 7026/2023/TB-KHDNMN ngày 21/9/2023; thông báo số 2606/2023/TB-KHDNMN ngày 21/4/2023; Bảng dư nợ, bảng kê tính lãi; Các tài liệu về đăng ký hoạt động của Ngân hàng, chi nhánh, Điều lệ Ngân hàng Thương mại

cổ phần V; các Văn bản ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng: Văn bản ủy quyền số 7027/2023/UQ-PGD ngày 21/9/2023; văn bản ủy quyền số 58/2023/UQN-CTQT ngày 12/7/2023 và bảng kê tính lãi; bản tự khai và các tài liệu khác có liên quan;

+ Các tài liệu về bị đơn: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH S; sổ hộ khẩu; phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng; điều lệ hoạt động của Công ty TNHH S; căn cước công dân ông Ngô Văn T1;

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các giấy triệu tập trong quá trình giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, không chấp hành và không có phản hồi gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đầy đủ quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn có trụ sở tại số A khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc và lãi còn nợ theo các hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 08/5/2025 là 2.277.162.331 đồng (trong đó: Nợ gốc quá hạn: 1.368.736.711 đồng; nợ lãi quá hạn: 795.162.567 đồng; nợ lãi chậm trả: 113.263.053 đồng) Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 050722/7835636-AUTO-1/HD ngày 05/7/2022, khế ước nhận nợ số 050722-7835636-AUTO-1 ngày 05/7/2022; Hợp đồng cho vay hạn mức EGV/22076 ngày 15/3/2022, Khế ước nhận nợ lần 2 số EGV/22076-02 ngày 20/9/2022 có cơ sở xác định ngày 05/7/2022, Công ty TNHH S đã vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 948.600.000 đồng theo và ngày 20/9/2022, Công ty TNHH S đã vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 499.188.800 đồng, nguyên đơn đã chuyển đủ số tiền vay, bị đơn cũng đã nhận tiền và xác nhận nợ theo các khế ước nhận nợ như nêu trên.

Xét thấy các bên tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ được các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung, mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của pháp luật tại Điều 119, Điều 127 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết. Việc bị đơn chưa thanh toán khoản nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn:

Theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 050722/7835636-AUTO-1/HD ngày 05/7/2022, khế ước nhận nợ số 050722-7835636-AUTO-1 ngày 05/7/2022, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 8.2 %/năm.

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức EGV/22076 ngày 15/3/2022, Khế ước nhận nợ lần 2 số EGV/22076-02 ngày 20/9/2022, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 18.3 %/năm.

Hai bên thỏa thuận: Lãi suất được điều chỉnh khi có thay đổi theo thông báo của nguyên đơn trong từng thời kỳ; lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn trên số nợ gốc thực tế chưa thanh toán.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “...*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật*”.

Khoản 5 Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015 quy định: “*Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả*”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định: “*Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận*”.

nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn”.

Khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định: *Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau:*

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả;

b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Như vậy, thỏa thuận về lãi suất trong các hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ nêu trên giữa nguyên đơn và bị đơn không trái với quy định của Bộ luật dân sự 2015 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng tại thời điểm ký kết hợp đồng nên có hiệu lực.

Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi cho nguyên đơn theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc, lãi phát sinh tạm tính đến ngày 08/5/2025 là: 2.277.162.331 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Kể từ ngày 09/5/2025, Công ty TNHH S vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng và các hợp đồng, văn bản đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ vay cho V1.

[2.2] Xét yêu cầu về việc xử lý tài sản thế chấp và buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ trả nợ thay trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ, thấy rằng:

Đối với Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số 050722-7835636-AUTO-1/HD ngày 05/7/2022 thể hiện nội dung bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Ford, số loại Everest, số khung: MNCAXXMAWANJ15694, số máy: YNWSANJ5694, biển kiểm soát: 61K-107.36 (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61 000587 do Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/7/2022). Chủ thể, hình thức và nội dung của Hợp đồng nêu trên mà các bên đã ký kết đúng với quy định tại Điều 317, 318 và Điều 319 Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, hợp đồng thế chấp giữa các bên hợp pháp, phát sinh hiệu lực đối với các bên kể từ ngày 05/7/2022.

Đối với Hợp đồng bảo lãnh số EGV/22076/HĐBL ngày 15/3/2022 được ký giữa bên bảo lãnh là ông Ngô Văn T1 và bên nhận bảo lãnh là V1 – Chi nhánh G, bên được bảo lãnh là Công ty TNHH S. Nhận thấy, Hợp đồng bảo lãnh các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung, mục đích không vi phạm

điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của pháp luật; hợp đồng bảo lãnh thể hiện rõ nội dung thỏa thuận giữa bên bảo lãnh với bên nhận bảo lãnh và các bên có liên quan về việc bên bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên được bảo lãnh khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh, căn cứ các Điều 335, 336, 339, 342 của Bộ luật dân sự 2015, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14/30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 119, 127, 317, 318, 319, 335, 336, 339, 342, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 74 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

- Điều 90, Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn Công ty TNHH S.

- Công ty TNHH S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/5/2025) là 2.277.162.331 đồng, trong đó: Nợ gốc quá hạn: 1.368.736.711 đồng; nợ lãi quá hạn: 795.162.567 đồng; nợ lãi chậm trả: 113.263.053 đồng.

Kể từ ngày 09/5/2025 cho đến khi thi hành án xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty TNHH S còn phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ đã ký.

2. Trường hợp Công ty TNHH S không thanh toán nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp là 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Ford, số loại Everest, số khung: MNCAXXMAWANJ15694, số máy: YNWSANJ5694, biển kiểm soát: 61K-107.36 theo Hợp đồng thế chấp ô tô số 050722-7835636-AUTO-1/HD ngày 05/7/2022 (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61 000587 do Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/7/2022).

Trường hợp Công ty TNHH S không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền buộc ông Ngô Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ thay Công ty TNHH S cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V theo Hợp đồng bảo lãnh số EGV/22076/HĐBL ngày 15/3/2022.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty TNHH S phải chịu số tiền 77.543.247 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 30.215.627 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004791 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS TP Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Ánh